



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẠNG LƯỚI THÁNG 9/2025

LẤY MẪU VÀ KIỂM NGHIỆM NƯỚC SẠCH ĐỊNH KỲ THEO THÔNG TƯ 52/2024/TT-BYT CỦA BỘ Y TẾ

Stt	Chỉ tiêu kiểm tra	Phương pháp thử	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Kết quả kiểm nghiệm											
					M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8	M9	M10	M11	
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	mg/l Pt	≤ 15	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)
2	Mùi	PP.HH.3.11 (*)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục	Ref TCVN 6184:2008	NTU	≤ 2	0,67	0,80	0,96	0,81	0,85	0,74	0,72	0,88	0,59	0,65	0,56	0,56
4	pH	TCVN 6492:2011	-	6,0 - 8,5	7,02	7,03	7,01	7,01	7,03	6,99	7,02	7,00	7,00	7,04	7,02	7,02
5	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	≤ 2	0,56	0,59	0,63	0,56	0,56	0,59	0,56	0,56	0,56	0,59	0,56	0,56
6	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1
7	E.Coli	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1
8	Clor dư tự do	PP so màu orthotolidine (*)	mg/l	0,2 - 1,0	0,50	0,50	0,30	0,40	0,40	0,40	0,40	0,30	0,30	0,30	0,30	0,30

Stt	Chỉ tiêu kiểm tra	Phương pháp thử	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Kết quả kiểm nghiệm											
					M12	M13	M14	M15	M16	M17	M18	M19	M20	M21	M22	
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	mg/l Pt	≤ 15	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	5	< 5 (MQL)	KPH (MDL=2)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	
2	Mùi	pp.HH.3.11 (*)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	
3	Độ đục	Ref.TCVN 6184:2008	NTU	≤ 2	0,92	0,98	0,94	0,83	0,80	0,86	0,72	0,83	0,91	0,90	0,92	
4	pH	TCVN 6492:2011	-	6,0 - 8,5	6,98	6,97	6,99	6,99	7,03	7,01	7,02	7,00	6,99	7,11	7,09	
5	Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	≤ 2	0,59	0,56	0,56	0,59	0,63	0,59	0,56	0,63	0,63	0,63	0,59	
6	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	
7	E.Coli	TCVN 6187-1:2019		< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	
8	Clor dư tự do	PP so màu orthotolidine (*)	mg/l	0,2 - 1,0	0,40	0,30	0,30	0,40	0,40	0,20	0,40	0,30	0,30	0,50	0,40	



Stt	Chỉ tiêu kiểm tra	Phương pháp thử	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Kết quả kiểm nghiệm											
					M23	M24	M25	M26	M27	M28	M29	M30	M31	M32	M33	
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	mg/l Pt	≤ 15	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)				< 5 (MQL)	Không có mùi lạ	6	6
2	Mùi	PP.HH.3.11 (*)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ				Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục	Ref.TCVN 6184:2008	NTU	≤ 2	0,98	0,72	0,81	0,86	0,82				1,14	1,11	0,71	0,82
4	pH	TCVN 6492:2011	-	6,0 - 8,5	7,08	7,07	7,05	7,01	6,99				6,98	6,97	7,03	7,02
5	Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	≤ 2	0,63	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)	0,53	0,53				0,63	0,63	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)
6	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1				< 1	< 1	< 1	< 1
7	E.Coli	TCVN 6187-1:2019		< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1				< 1	< 1	< 1
8	Clo dư tự do	PP so màu orthotolidine (*)	mg/l	0,2 - 1,0	0,30	0,30	0,20	0,40	0,30				0,40	0,30	0,30	0,20

Stt	Chỉ tiêu kiểm tra	Phương pháp thử	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Kết quả kiểm nghiệm									
					M34	M35	M36	M37	M38	M39	M40	M41		
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	mg/l Pt	≤ 15	KPH (MDL=2) Không có mùi lạ	< 5 (MQL) Không có mùi lạ	6 Không có mùi lạ	7 Không có mùi lạ	< 5 (MQL) Không có mùi lạ	< 5 (MQL) Không có mùi lạ	< 5 (MQL) Không có mùi lạ	< 5 (MQL) Không có mùi lạ		
2	Mùi	PP.HH.3.11 (*)	-	Không có mùi lạ										
3	Độ đục	Ref.TCVN 6184:2008	NTU	≤ 2	0,42	0,82	0,78	0,86	0,90	1,20	1,20	1,26		
4	pH	TCVN 6492:2011	-	6,0 - 8,5	7,03	7,17	7,14	7,12	7,15	7,16	7,09	7,10		
5	Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	≤ 2	0,95	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)	0,53	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)	0,53	0,53		
6	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100ml	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1		
7	E.Coli	TCVN 6187-1:2019		< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1		
8	Clo dư tự do	PP so màu orthotolidine (*)	mg/l	0,2 - 1,0	0,40	0,50	0,30	0,40	0,30	0,30	0,20	0,40		

* Ghi chú:

- Tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Bộ Y tế ban hành.
- Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.



- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

- 'KPH: Không phát hiện.

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

(*) : Phương pháp thử chưa đăng ký công nhận.

s) : Kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

*** Ký hiệu mẫu:**

M1: Nước sạch đầu nguồn NNMN Cầu Đỏ (ML Cầu Đỏ 1)	M12: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 12	M23: Nước sạch cuối nguồn NNMN Sân Bay	M34: Nước sạch tại điểm đầu nơi tuyên ông cấp nước của Dawaco với NNMN Hoà I iển
M2: Nước sạch giữa nguồn NNMN Cầu Đỏ (ML Cầu Đỏ 2)	M13: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 13	M24: Nước sạch đầu nguồn NNMN Hòa Trung	M35: Nước sạch đầu nguồn TCN Khe Giành
M3: Nước sạch cuối nguồn NNMN Cầu Đỏ (ML Cầu Đỏ 3)	M14: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 14	M25: Nước sạch cuối nguồn NNMN Hòa Trung	M36: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Giành
M4: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 4	M15: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 15	M26: Nước sạch đầu nguồn NNMN Sơn Trà	M37: Nước sạch cuối nguồn TCN Ngầm Đôi
M5: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 5	M16: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 16	M27: Nước sạch cuối nguồn NNMN Sơn Trà	M38: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Rằm
M6: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 6	M17: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 17	M28: Nước sạch đầu nguồn NNMN Hải Vân	M39: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Dầu
M7: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 7	M18: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 18	M29: Nước sạch cuối nguồn NNMN Hải Vân	M40: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Áo
M8: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 8	M19: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 19	M30: Nước sạch đầu nguồn TCN Phú Sơn	M41: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Đập
M9: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 9	M20: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 20	M31: Nước sạch cuối nguồn TCN Phú Sơn	
M10: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 10	M21: Nước sạch đầu nguồn NNMN Sân Bay	M32: Nước sạch đầu nguồn TCN Khe Lạnh	
M11: Nước sạch mạng lưới NNMN Cầu Đỏ 11	M22: Nước sạch giữa nguồn NNMN Sân Bay	M33: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Lạnh	

Trong tháng 9/2025 Nhà máy nước Hải Vân ngưng hoạt động nên mẫu đầu nguồn, cuối nguồn NMN Hải Vân không có.

* **Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đáp ứng yêu cầu giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Bộ Y tế ban hành.

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 9 năm 2025

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM



PHẠM VIỆT HÙNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Phước Thương